TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-02-2023
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin

2. Ông Nguyễn Văn Ghên

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Trong các ngày 31 tháng 01 năm 2023 và ngày 06 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1088/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh V, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Phùng Thị Hồng X, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Ông V, bà X có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Minh V trình bày: từ năm 2012, ông V và bà X chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 31/7/2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường cải vã và đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay ông V xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, khó mong hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện yêu cầu:

Về tình cảm: Ông Nguyễn Minh V yêu cầu ly hôn với bà Phùng Thị Hồng X.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Vũ Minh Th, sinh ngày 03/01/2012 và Nguyễn Quốc V1, sinh ngày 22/5/2013, hiện hai con chung đang sống với bà X. Khi ly hôn, ông V tôn trọng ý kiến các con mong muốn chung sống với ai thì người đó nuôi, trường hợp bà X không nuôi con chung thì ông V yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu bà X cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông V và bà X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Phùng Thị Hồng X trình bày trong biên bản hòa giải ngày 29/12/2022 và tại phiên tòa: Bà X thống nhất điều kiện kết hôn, tình trạng hôn nhân như ông V trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn, bà X cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng có thể hàn gắn được, không đến mức phải ly hôn. Nay bà X còn thương chồng, con nên không đồng ý ly hôn và yêu cầu được đoàn tụ để cùng ông V chăm lo cho con chung.

Về con chung: Thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Vũ Minh Th, sinh ngày 03/01/2012 và Nguyễn Quốc V1, sinh ngày 22/5/2013. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà X yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung và yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật.

Về tài sản chung: Ông V và bà X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Minh V không bổ sung, thay đổi yêu cầu khởi kiện, vẫn giữ các yêu cầu và ý kiến trình bày.

Bị đơn bà Phùng Thị Hồng X không có yêu cầu phản tố, vẫn giữ các yêu cầu và ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Minh V khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Phùng Thị Hồng X, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nơi bị đơn cư trú thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về tình cảm: Xét quan hệ hôn nhân giữa ông V, bà X có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 31/7/2012 nên hôn nhân giữa ông V với bà X là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của ông V đối với bà X: Ông V cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm nên không còn sự quan tâm chăm

sóc lẫn nhau, hôn nhân không hạnh phúc, không ai quan tâm đến ai, đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Tại phiên tòa, ông V cương quyết ly hôn còn bà X mong muốn được đoàn tụ nhưng không đưa ra được biện pháp để hàn gắn. Từ đó, Hội đồng xét xử xét hôn nhân giữa ông V và bà X đã mâu thuẫn trầm trọng, có thời gian ly thân đã lâu nên ông V yêu cầu xin ly hôn với bà X là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Ông V và bà X thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Vũ Minh Th, sinh ngày 03/01/2012 và Nguyễn Quốc V1, sinh ngày 22/5/2013. Khi ly hôn, bà X yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật và được ông V đồng ý.

Xét tại bản tự khai và tại phiên tòa hai con chung Nguyễn Quốc V1 và Nguyễn Vũ Minh Th đều có nguyện vọng được sống với bà X. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định bình thường của con chung, cần giao cho bà X được quyền nuôi 02 con chung là Nguyễn Quốc V1 và Nguyễn Vũ Minh Th là phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: tại phiên tòa, ông V tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu 5.000.000đồng (năm triệu đồng) một tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/02/2023 cho đến khi hai con đủ 18 tuổi là phù hợp với các Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[2.4]. Về tài sản chung: Ông V và bà X trình bày thống nhất tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5]. Về nợ chung: Ông V và bà X trình bày thống nhất không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Buộc nguyên đơn ông Nguyễn Minh V phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Minh V đối với bà Phùng Thị Hồng X.

Ông Nguyễn Minh V được ly hôn với bà Phùng Thị Hồng X.

2. Về con chung: bà Phùng Thị Hồng X được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung tên Nguyễn Vũ Minh Th, sinh ngày 03/01/2012 và Nguyễn Quốc V1, sinh ngày 22/5/2013. Hai con hiện tại đang chung với bà Phùng Thị Hồng X.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện và buộc ông Nguyễn Minh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung tên Nguyễn Vũ Minh Th, sinh ngày 03/01/2012 và Nguyễn Quốc V1, sinh ngày 22/5/2013 mỗi cháu 5.000.000đồng (năm triệu đồng) một tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/02/2023 cho đến khi hai con đủ 18 tuổi .

4. Về quyền chăm sóc con chung: Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

5. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Minh V và bà Phùng Thị Hồng X thống nhất tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

6. Về nợ chung: Ông Nguyễn Minh V và bà Phùng Thị Hồng X trình bày không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

7. Về án phí: Ông Nguyễn Minh V phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con sung vào ngân sách Nhà nước.

Khấu trừ cho ông Nguyễn Minh V tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0007172 ngày 03/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang án phí để thi hành. Ông Nguyễn Minh V phải nộp bổ sung 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

8. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã C (để biết);
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Khắc Linh Duy